

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN, TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 21/9/ 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh:

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Khoáng sản
1	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
2	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
3	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
4	Khai thác khoáng sản trong phạm vi công trình dự án
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước
1	Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước
2	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước
III	Lĩnh vực Đất đai
3.1	Cấp tỉnh
1	Chuyển nhượng giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 169 của Luật Đất đai và Điều 39 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP
2	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép UBND tỉnh
3	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình chuyển quyền sử dụng đất (hình thức: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) vào doanh nghiệp tư nhân.
4	Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp Chuyển đổi công ty, Công ty bị chia, tách hoặc sáp nhập, hợp nhất (Công ty trước khi chuyển đổi, chia, tách hoặc sáp nhập, hợp nhất đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất thu tiền sử dụng đất một lần cho cả thời gian thuê, giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước)
5	Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do chuyển đổi công ty, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp trong các trường hợp Công ty, doanh nghiệp trước khi chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhận chuyển quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển quyền sử dụng đất đã trả không có nguồn từ ngân sách nhà nước; Chuyển đổi công ty, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp đồng thời với việc chuyển mục đích sử dụng đất mà không thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
3.2	Cấp huyện
1	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép UBND cấp huyện
2	Ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất

3.3	Cấp xã
1	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép UBND cấp huyện

B. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế
I	Lĩnh vực Khoáng sản		
1		Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	- Luật Khoáng sản 2010. - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 9/03/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.
2		Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	
3		Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	
4		Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
5		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	
6		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	
7		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	
8		Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	
9		Thẩm định, phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	
10		Thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản	
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
1		Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất	- Luật Tài nguyên Nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
2		Gia hạn Giấy phép thăm dò nước dưới đất	
3		Điều chỉnh nội dung Giấy phép thăm dò nước dưới đất	
4		Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
5		Gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
6		Điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
7		Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
8		Gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
9		Điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
10		Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
11		Gia hạn Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
12		Điều chỉnh nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
13		Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
14		Gia hạn Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	

15		Điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
16		Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	
III	Lĩnh vực Đất đai		
3.1.	Cấp tỉnh		
1		Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư	- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
2		Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư.	
3		Chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép UBND tỉnh	
4		Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai (<i>đối với tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất</i>)	
5		Thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai (<i>đối với đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn</i>)	
6		Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	
7		Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai (<i>đối với Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất</i>).	
8		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
9		Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất (<i>thực hiện cho cả thủ tục cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận bị mất</i>).	
10		Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền	

		với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án.	
11		Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (<i>đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ</i>); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi do xác định lại diện tích đất ở trong thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	
12		Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	
13		Luân chuyển hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính	
3.2	Cấp huyện		
1		Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	
2		Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của UBND cấp huyện	
3		Thu hồi đất do cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai	
4		Thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai	
5		Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai	
6		Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai	
7		Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	
8		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
9		Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị	

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

		mất (thực hiện cho cả thủ tục cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận bị mất).	
10		Luân chuyển hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính	
3.3.	Cấp xã		
1		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2		Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất (thực hiện cho cả thủ tục cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận bị mất).	
3		Luân chuyển hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính	

C. Danh mục TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC
I	Lĩnh vực Khoáng sản		
1		Cấp Giấy phép khảo sát khoáng sản	- Luật Khoáng sản 2010; - Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 9/03/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.
2		Gia hạn Giấy phép khảo sát khoáng sản	
3		Trả lại Giấy phép khảo sát khoáng sản	
4		Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	
5		Thừa kế quyền thăm dò khoáng sản (khoản 6 Điều 60 Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ gọi là thủ tục tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản)	
6		Thừa kế quyền khai thác khoáng sản (khoản 6 Điều 60 Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ gọi là thủ tục tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản)	
7		Cấp Giấy phép chế biến khoáng sản	
8		Gia hạn Giấy phép chế biến khoáng sản	
9		Trả lại Giấy phép chế biến khoáng sản	
10		Chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản	
11		Thừa kế quyền chế biến khoáng sản (khoản 5 Điều 62 Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ gọi là thủ tục tiếp tục thực hiện quyền thăm dò khoáng sản)	
II	Lĩnh vực Tài nguyên nước		
1		Thay đổi thời hạn Giấy phép thăm dò nước dưới đất	- Luật tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2014/TT-
2		Thay đổi thời hạn Giấy phép khai thác nước dưới đất	
3		Thay đổi thời hạn Giấy phép khai thác, sử	

		dùng nước mặt	BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4		Thay đổi thời hạn Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. Danh mục phụ lục:

Số	Nội dung	Vị trí dẫn trích
Phụ lục 1	Chi tiết các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 55 và điểm c, d khoản 1 Điều 10 của Luật Khoáng sản	TTHC số 2, điểm I, mục A
Phụ lục 2	Chi tiết Điều 20 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ	TTHC số 2, điểm II, mục A
Phụ lục 3	Chi tiết Danh mục các dự án được quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ	TTHC số 4, điểm 3.1, mục A
Phụ lục 4	Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản	TTHC số 5, điểm I, mục B
Phụ lục 5	Chi tiết các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 55 và điểm c, d khoản 1 Điều 10 của Luật Khoáng sản	TTHC số 6, điểm I, mục B
Phụ lục 6	Chi tiết khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 66 của Luật Khoáng sản	TTHC số 8, điểm I, mục B
Phụ lục 7	Chi tiết các Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ	TTHC số 2, điểm II, mục B
Phụ lục 8	Chi tiết khoản 3 Điều 14 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	TTHC số 14, điểm II, mục B
Phụ lục 9	Chi tiết các Điều 61, 62 Luật Đất đai 2013 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ	TTHC số 1, điểm 3.1, mục B
Phụ lục 10	Chi tiết Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ	TTHC số 4, điểm 3.1, mục B
Phụ lục 11	Chi tiết Điều 64 của Luật Đất đai	TTHC số 6, điểm 3.1, mục B
Phụ lục 12	Chi tiết các Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.	TTHC số 8, điểm 3.1, mục B